

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

STT	Chỉ Tiêu	Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán xã giao năm 2026	Ghi chú
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>231,195,000,000</b>	<b>231,195,000,000</b>	
<b>I</b>	<b>Chi XDCB</b>	<b>82,145,000,000</b>	<b>82,145,000,000</b>	
	Vốn tập trung	12,870,000,000	12,870,000,000	
	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	69,275,000,000	69,275,000,000	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>141,370,000,000</b>	<b>141,370,000,000</b>	
1	Chi sự nghiệp Kinh tế	2,892,000,000	2,892,000,000	
1.1	Chi sự nghiệp Nông, Lâm, Thủy lợi		-	
1.2	Chi sự nghiệp Giao thông		-	
1.3	Chi sự nghiệp Thị chính		-	
1.4	Chi sự nghiệp Kinh tế khác		-	
2	Chi sự nghiệp Khoa học, ĐMST và chuyển đổi số	500,000,000	500,000,000	
3	Chi sự nghiệp Môi trường	3,370,000,000	3,370,000,000	
4	Chi sự nghiệp Giáo dục	79,568,000,000	79,568,000,000	
5	Chi sự nghiệp Đào tạo	107,000,000	107,000,000	
6	Chi sự nghiệp Y tế	4,279,000,000	4,279,000,000	
7	Chi sự nghiệp Văn hóa, Thông tin	424,000,000	424,000,000	
8	Chi sự nghiệp Phát thanh, Truyền hình	243,000,000	243,000,000	
9	Chi sự nghiệp Thể dục, Thể thao	80,000,000	80,000,000	
10	Chi Đảm bảo xã hội	21,750,000,000	21,750,000,000	
11	Chi quản lý Hành chính	25,045,050,000	25,045,050,000	
12	Chi An ninh	1,442,000,000	1,442,000,000	
13	Chi Quốc phòng	966,950,000	966,950,000	
14	Chi khác Ngân sách	703,000,000	703,000,000	
<b>IV</b>	<b>Chi dự phòng</b>	<b>4,680,000,000</b>	<b>4,680,000,000</b>	
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung mục tiêu chỉ định NS trung ương</b>	<b>3,000,000,000</b>	<b>3,000,000,000</b>	
1	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi số (SN khoa học)	2,000,000,000	2,000,000,000	
2	Kinh phí hỗ trợ chỉnh lý hồ sơ (QLHC)	1,000,000,000	1,000,000,000	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

TT	Danh mục	Thu NSNN	Thu NSX	Ghi chú
	<b>Cộng thu ngân sách</b>	<b>306,630,000,000</b>	<b>231,195,000,000</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản thu hưởng 100%</b>	<b>3,520,000,000</b>	<b>3,520,000,000</b>	
1	Thu từ quỹ đất công ích và HLCS	500,000,000	500,000,000	
2	Thuế ngoài quốc doanh	2,800,000,000	2,800,000,000	
3	Thuế sử dụng đất Phi nông nghiệp	220,000,000	220,000,000	
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chi theo tỉ lệ điều tiết</b>	<b>303,110,000,000</b>	<b>72,186,000,000</b>	
1	Thu khác tại xã	1,100,000,000	200,000,000	
2	Thu DNNN tại địa phương	60,000,000		
3	Thuế thu nhập cá nhân	2,000,000,000	1,900,000,000	
4	Thu phí và lệ phí	380,000,000	80,000,000	
5	Lệ phí trước bạ	3,500,000,000	700,000,000	
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	70,000,000	31,000,000	
7	Thu tiền sử dụng đất	296,000,000,000	69,275,000,000	
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung ngân sách cấp trên</b>		<b>155,489,000,000</b>	
1	Thu bổ sung cân đối		152,489,000,000	
2	Thu Bổ sung có mục tiêu		3,000,000,000	

75,706,000,000

-

-